

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
Linh Trung, năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1924	638	505	318	463
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1846 (95.95)	611 (95.77)	487 (96.44)	303 (95.28)	445 (96.11)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	74 (3.85)	25 (3.92)	17 (3.37)	14 (4.40)	18 (3.89)
3	TB/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	4 (0.21)	2 (0.31)	1 (0.20)	1 (0.31)	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1924	638	505	318	463
1	Giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	835 (43.4)	269 (42.16)	246 (48.71)	121 (38.05)	199 (42.98)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	703 (36.54)	249 (39.03)	173 (34.26)	112 (35.22)	169 (36.50)
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	375 (19.49)	114 (17.87)	81 (16.04)	85 (26.73)	95 (20.52)
4	Yếu/C.Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	11 (0.57)	6 (0.94)	5 (0.99)	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1924	638	505	318	463
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1913 (99.43)	632 (99.06)	500 (99.01)	318 (100)	463 (100)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	417 (21.67)	86 (13.48)	88 (17.43)	44 (13.84)	199 (42.98)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	586 (30.46)	183 (28.68)	157 (31.09)	77 (24.21)	169 (36.50)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	11 (0.57)	6 (0.94)	5 (0.99)	0	0

3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	6 (0.31)	5 (0.78)	1 (0.19)	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	28/78 (1.45/4.05)	2/25 (0.31/3.92)	7/28 (1.39/5.54)	11/14 (3.46/4.40)	8/11 (1.73/2.38)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	5				5
1	Cấp huyện (TpTD)	63	17	19	20	7
2	Cấp tỉnh/thành phố	4				4
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	463				463
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	463				463
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	199 (42.98)				199 (42.98)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	169 (36.50)				169 (36.50)
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	95 (20.52)				95 (20.52)
VII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	969/955	322/316	257/248	156/162	234/229
VIII	Số học sinh dân tộc thiểu số	35	16	8	5	6

Linh Trung, ngày 05 tháng 9 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Đã ký)

Đặng Thu Hà